

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
(SQC)**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN SÀI GÒN – QUY NHƠN
(SQC)**

I. TÓM LƯỢC LỊCH SỬ, HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN.

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Sài Gòn – Quy Nhơn được thành lập ngày 11/12/2006 theo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số: 353031000005 Do Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Nhơn Hội tỉnh Bình Định cấp.

Từ mức vốn điều lệ ban đầu 10 tỷ đồng, sau gần 07 năm hoạt động, công ty đã tăng vốn điều lệ lên 1.200 tỷ đồng (vốn thực góp đạt 1.100 tỷ đồng), mục tiêu phấn đấu trở thành công ty khoáng sản hàng đầu Việt Nam.

Các mốc quan trọng trong quá trình phát triển của SQC:

- Tháng 12/2006: Chế tạo và vận hành những bệ khai thác quặng titan thô đầu tiên
- Tháng 01/2007: bắt đầu san lấp mặt bằng KCN Nhơn Hội A
- Tháng 06/2007: Khởi công xây dựng tòa nhà văn phòng và khu nhà xưởng cho thuê tại KCN Nhơn Hội A.
- Tháng 01/2008: UBND tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án: Nhà máy sản xuất xỉ Titan tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
- Tháng 03/2008: UBND tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án: Xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp chế biến sâu Titan tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
- Ngày 15/03/2008: Khởi công xây dựng nhà máy xỉ titan trên diện tích 10ha tại cụm công nghiệp chế biến sâu Titan tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
- Tháng 05/2008: Khánh thành nhà văn phòng và khu nhà xưởng cho thuê tại KCN Nhơn Hội A.
- Ngày 08/05/2009: Vận hành lò số 1 cho ra đời mẻ xỉ đầu tiên, thành công hơn dự kiến.
- Ngày 25/05/2009: Vận hành lò số 2 thành công tốt đẹp.
- Ngày 24/07/2009: Khánh thành nhà máy sản xuất xỉ Titan, đánh dấu sự kiện nhà máy xỉ hiện đại nhất Việt Nam đã đi vào hoạt động.
- Tháng 11/2011: Vận hành lò số 3 thành công, nâng tổng công suất thiết kế lên 36,000 tấn xỉ + gang/năm.
- Năm 2012: Đầu tư, nâng cấp toàn diện hệ thống nhà xưởng và nhà máy xỉ.

2. Tóm tắt quá trình tăng vốn điều lệ của SQC:

STT	Thời gian	Vốn điều lệ (đồng)	Nội dung thay đổi
Lần 1	Tháng 12/2006	10.000.000.000	Vốn điều lệ ban đầu
Lần 2	Tháng 04/2007	30.000.000.000	Điều chỉnh tăng vốn điều lệ
Lần 3	Tháng 12/2007	79.500.000.000	Điều chỉnh tăng vốn điều lệ
Lần 4	Tháng 12/2008	95.000.000.000	Điều chỉnh tăng vốn điều lệ
Lần 5	Tháng 05/2009	200.000.000.000	Điều chỉnh tăng vốn điều lệ
Lần 6	Tháng 10/2009	540.000.000.000	Điều chỉnh tăng vốn điều lệ
Lần 7	Tháng 11/2009	1.000.000.000.000	Điều chỉnh tăng vốn điều lệ
Lần 8	Tháng 03/2011	1.000.000.000.000	Điều chỉnh dự án trong Giấy CNDT
Lần 9	Tháng 01/2012	1.100.000.000.000	Điều chỉnh tăng vốn điều lệ

3. Thông tin chung về công ty:

Tên công ty: **Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Sài Gòn – Quy Nhơn.**

Tên Giao dịch đối ngoại: **Sai Gon – Quy Nhon Mining Corporation.**

Tên Viết tắt: **SQC**

Vốn điều lệ đăng ký: 1.200.000.000.000 đồng (Một nghìn hai trăm tỷ đồng)

Vốn điều lệ thực góp: 1.100.000.000.000 đồng (Một nghìn một trăm tỷ đồng)

Trụ sở chính: Lô B6, đường số 5, KCN Nhơn Hội A, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 0563.824951

Fax: 0563.824962

Website: www.sqcmMining.com; www.sqcmMining.vn

Thời gian hoạt động: 50 năm kể từ ngày cấp phép

Giấy chứng nhận đầu tư: Số 353031000005 Do Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Nhơn Hội tỉnh Bình Định cấp ngày 11/12/2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 22/10/2012.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- Khai thác , chế biến, mua bán quặng titan và các sản phẩm hậu titan;
- Gia công, chế tạo, mua bán máy móc, thiết bị, và phụ tùng máy khai thác khoáng sản (chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện quy định của pháp luật);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Cho thuê nhà xưởng phục vụ các mục đích sản xuất kinh doanh;

- San lấp mặt bằng, làm đường giao thông nội bộ trong mặt bằng xây dựng;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông;
- Khai thác đá, cát sỏi, đất sét, cao lanh;
- Kinh doanh các ngành nghề trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật.

Logo của công ty:



SAIGON QUYNHON MINING CORP.

II. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC.

1. Tình hình kinh doanh:

Năm 2012 là một năm nhiều khó khăn của Doanh nghiệp. Tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt nam nói riêng vẫn chưa có nhiều dấu hiệu khả quan với khủng hoảng nợ công kéo dài tại Châu Âu, kinh tế Trung Quốc đang tăng trưởng chậm lại, chỉ riêng kinh tế Hoa Kỳ đang trên đà phục hồi tốt. Kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn, khủng hoảng kinh tế vẫn chưa được giải quyết, lạm phát vẫn còn ở mức cao trong năm 2012.

Tuy nhiên, với sự cố gắng phấn đấu của Ban lãnh đạo cũng toàn thể CBCNV Công ty SQC cũng như chính sách giảm thuế xuất khẩu của mặt hàng xi titan, SQC đã từng bước đi vào sản xuất ổn định hơn, đạt kết quả sản xuất kinh doanh tốt hơn trong năm 2012. Điều này đã tạo điều kiện cho đội ngũ quản lý tập trung nâng cao hiệu suất hoạt động sản xuất, phát huy các sáng kiến để giảm thiểu bụi, tạp chất, v.v... trong năm 2012.

Tương tự năm 2011, doanh thu và lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất chính sản xuất xi titan là chủ yếu, và tăng gần 2 lần các chỉ tiêu về doanh thu lợi nhuận so với năm 2011.

Tổng doanh thu năm 2012 đạt hơn 739 tỷ đồng, tăng 94% so với năm 2011.

Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2012 đạt 161 tỷ đồng, tăng 99% so với năm 2011 và đạt 77% so với kế hoạch lợi nhuận đề ra. Kế hoạch lợi nhuận không đạt do tình hình thị trường khó khăn từ quý 4/2012 làm giảm lượng xi bán hàng so với kế hoạch.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu là 1.467 đồng, tăng 82% so với năm 2011.

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011	Tăng-Giảm
Doanh thu thuần bán hàng hoá và dịch vụ	726.567	361.801	101%
Doanh thu tài chính	8.007	16.162	-50%
Thu nhập khác	4.679	3.082	52%
Tổng Doanh thu	739.253	381.045	94%
Tổng lợi nhuận sau thuế	161.762	81.356	99%
Lãi cơ bản/cổ phiếu (VND/cp)	1.467	807	82%

2. Đánh giá tình hình tài chính:

Các chỉ tiêu sinh lời:

Chỉ tiêu	năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận gộp/ doanh thu thuần	38,2%	37%
Lợi nhuận trước thuế/ tổng doanh thu	22,9%	26%
Lợi nhuận sau thuế/ tổng doanh thu	22,2%	25%
Lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	9,5%	5,4%
Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	11,9%	6,8%

Các chỉ số lợi nhuận gộp được cải thiện do công tác nâng cao hiệu quả sản xuất, ngoài ra, chỉ số lợi nhuận trên tổng tài sản và nguồn vốn tăng mạnh trong năm 2012 do tổng lợi nhuận tăng.

Các chỉ tiêu thanh toán:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2011
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,52	1,93
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,80	1,33
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/tổng nguồn vốn	%	19,7%	20,3%
Vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn	%	80,3%	79,7%

Các chỉ số thể hiện khả năng thanh toán đều duy trì ở mức an toàn, chỉ số thanh toán hiện hành là 1,52 và chỉ số thanh toán nhanh là 0,80. Trong năm 2012, công ty phải gia tăng việc mua nguyên liệu thô và tồn kho dự trữ các nguyên vật liệu khác để đảm bảo sản xuất dài hạn, nên giá trị tồn kho cao, làm giảm chỉ số thanh toán nhanh.

Cơ cấu nợ dài hạn và ngắn hạn giảm so với năm 2011 từ 20,3% còn 19,7% chủ yếu do nguồn vốn chủ sở hữu tăng do lợi nhuận giữ lại.

3. Tình hình đầu tư:

Trong năm 2012, Công ty tập trung vào việc đầu tư nâng cấp nhà xưởng với 3 lò đi vào vận hành ổn định

Ngoài việc tham gia góp vốn vào các công ty đang hoạt động trong lĩnh vực năng lượng và khoáng sản ở nhiều nơi, hiện Công ty đang tham gia các cơ hội đầu tư vào bất động sản du lịch và nhà xưởng cho thuê.

4. Đánh giá tình hình hoạt động:

Do tình hình thị trường diễn biến bất lợi từ quý 4 năm 2012 đến nay, giá xi và zircon thế giới giảm đến hơn 30% làm cho việc xúc tiến bán hàng gặp nhiều khó khăn, việc ký kết các hợp đồng với các khách hàng lớn trong năm 2013 đang được công ty tập trung ưu tiên giải quyết.

Trong thời gian qua, Công ty đã kịp chuẩn bị tốt việc đào tạo nguồn nhân lực, làm chủ công nghệ, phát huy nhiều sáng kiến cải tiến làm tăng năng suất và hiệu quả sản xuất. Điều này là cơ sở nền tảng để Công ty có được lợi thế cạnh tranh trên thị trường và phát huy tối đa hiệu quả trong năm 2013 đầy khó khăn này.

5. KẾ HOẠCH NĂM 2013

Năm 2013 được xác định là năm rất nhiều khó khăn, do tình hình thị trường thế giới chỉ có thể khởi sắc từ quý 3 năm 2013, nên Công ty đang xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 vẫn tất để chuẩn bị trình Đại hội Cổ đông phê duyệt như sau:

1. Sản xuất: Cân đối sản lượng xi các loại, gang trắng, Zircon, Rutile, Monazite... phù hợp với nhu cầu thị trường.
2. Đầu tư: thực hiện các dự án nâng cấp nhà xưởng.
3. Lợi ích xã hội: Duy trì công ăn việc làm cho lực lượng lao động, hoàn tất các nghĩa vụ thuế, đóng góp các khoản hỗ trợ, cùng chính quyền địa phương chăm lo cho người dân nghèo, khó khăn...

11/2/12 15:30:12

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
SÀI GÒN - QUY NHƠN**

MỤC LỤC

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04-07
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
4. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-37

1
C
O
N
T
E
N
T

11/01/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập: Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 353071000005 do Ban quản lý Khu kinh tế Nhơn Hội tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 11/12/2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 22/10/2012.

Hoạt động chính của Công ty:

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Cho thuê nhà xưởng phục vụ các mục đích sản xuất kinh doanh;
- Khai thác, chế biến, mua bán quặng Titan và các sản phẩm bán Titan;
- Gạo công, chế tạo, mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai thác khoáng sản (chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao;
- San lấp mặt bằng, làm đường giao thông nội bộ trong mặt bằng xây dựng;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống ...).

Trụ sở chính: Lô B6, Đường số 5, KCN Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng Quản trị

Bà Đặng Thị Hoàng Phương	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Trần Triệu Thanh	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Nhật	Thành viên HĐQT
Bà Hoàng Thị Kim Hiền	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Ngọc Cát Tường	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Phan Thị Thanh Yên	Thành viên
Bà Du Ngọc Mỹ Loan	Thành viên
Ông Trần Ngọc Hân	Thành viên

Trang 1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ban Tổng Giám đốc

Bà Đặng Thị Hoàng Phương
Bà Nguyễn Trần Triệu Thanh
Ông Châu Kim Hạng Kelvin
Ông Nguyễn Huy Hoàng
Bà Huỳnh Thị Ngọc Lam

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc thường trực
Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật
Phó Tổng Giám đốc
Phó Giám đốc tài chính

Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Diệp

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Bà Đặng Thị Hoàng Phương - Tổng Giám đốc Công ty.

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các số sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

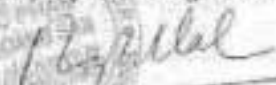
6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp Quy Nhơn, ngày 29 tháng 03 năm 2013

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Trần Triệu Thanh

Phó Tổng Giám đốc thường trực



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 6163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4287
Email: info@daac.com.vn Website: www.daac.com.vn



Số: 06.12.403 /AISC-DNI

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOẢNG SÀI GÒN - QUY NHƠN**

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 10 tháng 02 năm 2013 của CÔNG TY CỔ PHẦN KHOẢNG SÀI GÒN - QUY NHƠN từ trang 04 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và nét đoạn quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN KHOẢNG SÀI GÒN - QUY NHƠN tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2013

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐÀU NGUYỄN LÝ HẰNG

Số chứng chỉ KTV: 1169-KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



THAM THỊ HỒNG UYÊN

Số chứng chỉ KTV: 0794-KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Ho Chi Minh: 22 Le Kim, 34 Floor - 54/124, VME/07 Building, Phạm Hùng St, Cầu Ông Lãnh, Quận 1, HCMC
Tel: +84 939 0246 46 / 47 Fax: +84 8 350 5048 Email: ca@daac.com.vn
Branch in Da Nang: 36 Hoang Hoa Thám St, Thành Ông Lĩnh, Đà Nẵng
Tel: +84 236 371 8417 Fax: +84 236 371 8423 Email: danang@daac.com.vn
Representative in Cần Thơ: 09, 30/04 St - Ninh Kiều Dist - Cần Thơ City
Tel: +84 9752 6610 04 Fax: +84 9752 3426 284
Representative in Hải Phòng: 11 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hải Phòng
Tel: +84 225 3644 877 Fax: +84 225 3644 024

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		476.494.356.242	486.831.376.795
	(100 = 110+120+130+140+150)				
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.663.737.285	125.628.822.736
	1. Tiền	111		30.663.737.285	35.628.822.736
	2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	90.000.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	53.592.857.813
	1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	53.592.857.813
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		220.115.099.514	149.758.336.247
	1. Phải thu của khách hàng	131	V.3.1	13.831.072	66.070.527.436
	2. Trả trước cho người bán	132	V.3.2	202.074.683.692	76.582.098.224
	3. Các khoản phải thu khác	135	V.3.3	18.026.584.750	7.105.800.587
IV.	Hàng tồn kho	140	V.4	196.025.627.532	138.335.253.688
	1. Hàng tồn kho	141		196.025.627.532	138.335.253.688
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	V.5	14.689.891.911	19.516.106.311
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.168.949.329	6.380.971.111
	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.376.349.269	5.675.731.515
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		455.956.293	-
	4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.488.637.020	7.459.403.685
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.220.151.944.091	1.023.350.256.191
	(200 = 210+220+240+250+260)				
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		232.201.592.015	253.992.181.376
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	232.201.592.015	247.142.731.586
	- Nguyên giá	222		335.980.323.339	293.496.826.473
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(103.778.731.315)	(46.354.094.887)
	2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	5.563.200
	- Nguyên giá	228		106.128.800	106.128.800
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(106.128.800)	(106.563.600)
	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	-	6.843.886.500

Các đơn vị tính theo đơn vị tài chính là phần trăm sẽ tích với các tài sản có sẵn

Trang 4

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tính ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	768.936.206.000	750.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		49.000.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		719.936.206.000	750.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.10	219.014.146.076	19.358.074.815
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		217.127.782.643	17.499.507.648
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		1.886.363.433	1.858.567.167
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
TỔNG CỘNG	270		1.696.646.306.333	1.510.181.632.986

Các thành viên của công ty con là phần không thể tách rời của báo cáo này

Trang 2

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		333.190.123.019	306.069.445.800
I. Nợ ngắn hạn	310		305.108.282.299	282.817.327.333
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.1	214.438.889.346	195.146.238.104
2. Phải trả cho người bán	312	V.11.2	35.588.598.636	12.147.764.214
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11.3	22.660.839.134	8.849.492.948
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11.4	4.175.805.927	22.989.861.838
5. Phải trả người lao động	315	V.11.5	10.915.077.109	-
6. Chi phí phải trả	316	V.11.6	3.552.608.793	6.047.122.793
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11.7	14.002.822.523	7.490.120.836
8. Quỹ lương thưởng, phúc lợi	323	V.11.8	(226.389.169)	146.726.640
II. Nợ dài hạn	330		28.081.870.720	53.252.118.467
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	28.081.870.720	53.252.118.467
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		1.363.456.177.314	1.204.112.187.186
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	1.363.456.177.314	1.204.112.187.186
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.000.000.000	5.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(581.351.410)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		258.456.177.314	99.693.538.596
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.696.646.300.333	1.510.181.632.986

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 9

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tới ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		3.823.523	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
-USD		295.344.27	1.591.861.83
-EUR		288.62	259.54
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



Trần Thị Diệp

Tp. Quy Nhơn, ngày 10 tháng 02 năm 2013

Phó Tổng Giám đốc thường trực



Nguyễn Trần Triệu Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Nhà tài chính bị (theo ngày 31 tháng 12 năm 2012)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	726.567.367.488	361.801.405.212
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		82.542.527.206	57.617.058.364
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		644.024.840.192	304.184.346.848
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	398.318.050.491	192.524.749.595
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		245.706.789.701	111.659.596.853
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	8.007.335.739	16.161.822.361
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	17.717.761.323	11.211.330.259
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		16.282.601.381	9.299.303.167
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	28.434.256.702	12.427.469.782
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	41.510.808.919	19.626.791.828
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		166.051.298.496	84.555.827.245
11. Thu nhập khác	31	VL.7	4.678.997.929	3.081.914.341
12. Chi phí khác	32	VL.8	4.546.514.685	2.583.926.100
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		132.383.244	497.988.241
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		166.183.681.740	85.053.815.586
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL.9	4.448.839.289	4.125.160.614
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VL.10	(27.796.266)	(427.398.069)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		161.762.638.718	81.356.053.041
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.11	1.467	807

Kế toán trưởng



Trần Thị Diệp

Tp. Quy Nhơn, ngày 10 tháng 02 năm 2013.

Phó Tổng Giám đốc thường trực



Nguyễn Trần Triệu Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	166.183.681.740	85.053.815.586
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khoản hao tài sản cố định	02	57.430.199.628	29.755.181.396
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(429.442.363)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.130.421.775)	(12.589.714.468)
- Chi phí tài trợ	06	16.282.601.381	9.877.569.523
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	234.336.618.611	112.096.852.037
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	21.879.633.086	(51.286.309.114)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	(58.710.238.956)	(66.650.637.045)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải trả (không kể tài trợ phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	35.680.653.773	(13.371.546.254)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	(198.712.179.325)	(7.902.642.465)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(16.703.805.715)	(9.299.303.167)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.029.956.195)	(3.067.905.061)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(1.077.722.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	8.741.525.228	(40.559.213.819)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(36.770.646.716)	(69.982.751.294)
Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	480.000.000
Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ	23	(372.950.000.000)	(92.952.400.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	149.392.857.813	104.944.778.298
Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	(49.500.000.000)	(18.700.000.000)
Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	220.000.000.000	-
Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	6.577.249.498	12.590.721.690
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	29	(81.250.559.403)	(65.619.649.306)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo tài chính này.

Trang 9

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	388.374.899.949	278.732.781.970
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(393.830.971.223)	(66.419.509.924)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.456.071.274)	212.313.272.946
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(79.965.085.451)	108.134.408.921
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	125.628.822.736	17.722.154.217
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(227.740.402)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	45.663.737.285	125.628.822.736

Tp. Quy Nhơn, ngày 10 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc thường trực




Trần Thị Diệp

Nguyễn Trần Triệu Thanh

IV. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 353031000005 do Ban quản lý Khu kinh tế Nhơn Hội tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 11/12/2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 22/10/2012.

Tên tiếng Anh: Sai Gon - Quy Nhon Mining Corporation.

Tên viết tắt: SQC

Mã chứng khoán: SQC

Trụ sở chính: Lô B6, Đường số 5, KCN Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

3. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, xây dựng, khai thác và chế biến quặng Titan

4. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Cho thuê nhà xưởng phục vụ các mục đích sản xuất kinh doanh;
- Khai thác, chế biến, mua bán quặng Titan và các sản phẩm liên Titan;
- Gia công, chế tạo, mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai thác khoáng sản (chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao;
- San lấp mặt bằng, làm đường giao thông nội bộ trong mặt bằng xây dựng;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống ...).

5. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2012: 542 người (Ngày 31/12/2011: 421 nhân viên).

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 11

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sẵn

Nguyên giá tài sản cố định mua gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyển giá và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đề chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	02 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	02 - 15 năm
Phương tiện vận tải	04 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý và khác	02 - 15 năm
Phần mềm máy tính	02 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu công trình đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác: Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các dự án hay các tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc. Nếu không xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm: Chi phí mua sắm công cụ, dụng cụ và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ tăng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí tiền điện, tiền nước, tiền lương, lãi vay phải trả và các chi phí phải trả khác.

Đối với chi phí thuế đất tại Khu công nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn được phân bổ theo thời gian thuê đất là 44 năm.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc: ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn).

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

15. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính:

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ, tiền trong tương lai có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá cuối năm của các Ngân hàng thương mại mà đơn vị mở tài khoản giao dịch; các khoản phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại cuối năm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179"), và tin tưởng việc áp dụng đó cũng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 179 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nghiệp vụ	Xử lý kế toán theo Thông tư 179	Xử lý kế toán theo VAS 10
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (ngoại trừ mua vào của Ngân hàng thương mại nơi các khoản trả trước cho doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại người bán bằng ngoại tệ).	Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.	Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.
Số dư cuối kỳ của các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ.	Không thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư cuối kỳ.	Thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư cuối kỳ.

Việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo Thông tư 179 và theo VAS 10 không có sự khác biệt trong yếu ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của năm hiện hành.

16. Công cụ tài chính:

Ghi nhận ban đầu:

Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, vay ngắn hạn, vay dài hạn.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hình việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nghiệp vụ	Xử lý kế toán theo Thông tư 179	Xử lý kế toán theo VAS 10
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (ngươi trừ mua vào của Ngân hàng thương mại nơi các khoản trả trước cho doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại người bán bằng ngoại tệ).	Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.	Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.
Số dư cuối kỳ của các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ.	Không thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá.	Thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư cuối kỳ.

Việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo Thông tư 179 và theo VAS 10 không có sự khác biệt trong yếu tố ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của năm hiện hành.

16. Công cụ tài chính:

Ghi nhận ban đầu:

Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, vay ngắn hạn, vay dài hạn.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng giám đốc, hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cả nhóm này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012	01/01/2012
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền	30.663.737.285	35.628.822.736
Tiền mặt	216.520.589	105.397.516
Tiền mặt VND	216.520.589	105.397.516
Tiền gửi ngân hàng	30.447.216.705	35.523.425.220
Tiền gửi ngân hàng VND	26.166.477.931	2.363.236.528
Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ	4.280.738.774	33.160.188.692
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	98.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	15.000.000.000	98.000.000.000
Cộng	45.663.737.285	125.628.822.736
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
Đầu tư ngắn hạn khác		53.592.857.813
Cho vay tổ chức kinh tế	-	53.592.857.813
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	-	53.592.857.813
3. Các khoản phải thu ngắn hạn		
3.1 Phải thu khách hàng		
Phải thu khách hàng trong nước	501.600	35.408.594.734
Phải thu khách hàng nước ngoài	13.329.472	30.661.932.702
Cộng	13.831.072	66.070.527.436
3.2 Trả trước cho người bán		
Khách hàng trong nước	197.309.395.996	61.185.978.950
Khách hàng nước ngoài	4.765.287.696	15.396.029.274
Cộng	202.074.683.692	76.582.008.224
3.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu khác	18.026.584.750	7.105.800.587
+ Công ty CP Xây dựng Sài Gòn	15.763.794.000	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

Trang 19

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

→ Ban Quản lý các cụm công nghiệp - Làng nghề Phú Mỹ	1.932.335.141	1.932.335.141
→ Các đối tượng khác	350.455.609	5.173.465.446
Cộng	18.026.584.750	7.105.800.587
Tổng cộng	220.115.099.514	149.758.336.247
Dự phòng phải thu khó đòi (-)	-	-
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	220.115.099.514	149.758.336.247
4. Hàng tồn kho	31/12/2012	01/01/2012
Hàng mua dùng để bán	40.285.674	-
Nguyên liệu, vật liệu	66.139.037.393	69.128.594.324
Công cụ, dụng cụ	382.114.496	258.141.673
Chi phí SX, KD dở dang	21.043.392.696	22.829.643.629
Thành phẩm	107.853.703.918	43.660.862.062
Hàng hoá	567.093.385	2.458.012.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	196.025.627.532	138.335.253.688
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	196.025.627.532	138.335.253.688

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: 66.615.864.817 VND

- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0 VND

- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích nhiệm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không phát sinh.

5. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn		
Số đầu năm	6.380.971.111	1.091.003.602
Phát sinh trong năm	45.299.172.866	64.686.693.899
Kết chuyển chi phí	45.511.194.648	59.396.726.390
Số cuối năm	6.168.949.329	6.380.971.111
5.2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		
Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ	4.576.349.269	5.447.200.974
Thuế giá trị gia tăng của TSCĐ	-	228.530.541
Cộng	4.576.349.269	5.675.731.515
5.3 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	455.956.293	-
Cộng	455.956.293	-
5.3 Tài sản ngắn hạn khác		
Tạm ứng cho nhân viên	145.072.210	704.535.022

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính

Trang 20

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.343.564.810	6.754.868.663
Cộng	3.488.637.020	7.459.493.685
Tổng cộng	14.689.891.911	19.516.106.311

6. Tài sản cố định hữu hình: Xem thuyết minh tại trang 35.

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Nhãn hiệu hàng hóa	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	106.128.800	-	106.128.800
<i>Mua trong năm</i>	-	-	-	-
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	106.128.800	-	106.128.800
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	100.565.600	-	100.565.600
<i>Khấu hao trong năm</i>	-	3.563.200	-	3.563.200
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	106.128.800	-	106.128.800
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	-	5.563.200	-	5.563.200
Số dư cuối năm	-	-	-	-

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 106.128.800 VND.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2012

01/01/2012

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án:		
Nhà máy sản xuất xi Titan	-	3.085.951.142
Thiết bị khai thác titan Mỹ Thành	-	502.344.212
Thiết bị khai thác titan KCN Nhơn Hội	-	104.672.600
Cụm công nghiệp chế biến sưa Titan tại Phú Mỹ	-	1.122.618.636
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dự án khác	-	28.300.000
Cộng	-	6.843.886.590

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào cty liên kết, liên doanh	4.900.000	49.000.000.000		
Công ty CP Địa Ốc Nam Việt (T)	4.900.000	49.000.000.000	-	-

Các doanh nghiệp này là hồ phần hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 21

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Dẫn tư dài hạn khác	28.672.718	719.936.206.000	17.500.000	750.000.000.000
Công ty CPĐTPT Nhà máy điện Sài Gòn - Bình Thuận	15.500.000	310.000.000.000	15.500.000	310.000.000.000
Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn - Ninh Thuận	2.000.000	20.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000
Công ty CP Xây Dựng Sài Gòn (2)	-	-	-	220.000.000.000
Công ty CP Du Lịch Sài Gòn - Hàm Tân	-	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Công ty CP Du Lịch Cần Giờ (3)	11.172.718	189.936.206.000		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				
Cộng	33.872.718	768.936.206.000	17.500.000	750.000.000.000

(1) Góp vốn vào Công ty CP Địa Ốc Nam Việt theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1711/HDCN-NVL-SGI ngày 17/11/2012.

(2) Chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty CP Xây dựng Sài Gòn theo Biên bản thanh lý Hợp đồng Ủy thác đầu tư số 0611/BBTL-HĐUT ngày 06/11/2012.

(3) Góp vốn vào Công ty CP Du Lịch Cần Giờ theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1010/HDCN-CTC ngày 10/10/2012.

10. Tài sản dài hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Chi phí trả trước dài hạn		
Số đầu kỳ	17.499.507.648	14.886.832.692
Phát sinh trong kỳ	226.337.592.836	10.656.911.586
Trừ: kết chuyển trong kỳ	26.709.317.841	8.044.236.430
Số cuối kỳ	217.127.782.643	17.499.507.648
Chi tiết khoản chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí cho hoạt động nhà máy xi măng	1.199.094.199	1.637.400.901
Chi phí cho dự án tuyến phố Mỹ Thành	3.036.708.627	2.651.631.614
Chi phí cho dự án tuyến phố Nhơn Lý	-	3.782.894.635
Chi phí cho dự án tuyến phố Degi Phú Cát	-	1.679.157.203
Chi phí cho các dự án khác	-	1.013.878.201
Chi phí thuê đất KCN Đại Đồng Hoàn Sơn	199.421.696.591	-
Chi phí thuê đất KCN Nhơn Hội	12.944.814.715	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

Trang 22

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi phí công cụ dụng cụ		525.468.511	1.729.545.094
Cộng		217.127.782.643	17.499.507.648
11. Vay và nợ ngắn hạn		31/12/2012	01/01/2012
11.1 Vay và nợ ngắn hạn			
Vay ngắn hạn ngoài tế		214.438.889.346	195.146.238.104
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội (1)</i>	2.681.782,00 USD #	55.807.853.420	32.210.252.064
<i>Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN (2)</i>	3.902.965,37 USD #	82.281.679.696	84.657.050.554
<i>Ngân hàng Vietcombank - CN Bình Định (3)</i>	3.720.842,00 USD #	77.409.326.230	78.278.935.456
Nợ dài hạn đến hạn trả		-	-
Cộng		214.438.889.346	195.146.238.104

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 51.11.401.343072.TD.DN ngày 30/06/2011, số tiền cho vay là 50 tỉ đồng, thời hạn giải ngân đến 30/04/2012, lãi suất vay theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo: Máy móc thiết bị trị giá 20.202.013.598 đồng theo hợp đồng thế chấp số 56.11.401.343072.DB.DN ký ngày 16/09/2011.

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 27.12.401.343072.TD.DN ngày 26/04/2012, hạn mức tín dụng là 80 tỉ đồng, thời hạn giải ngân đến ngày 30/04/2013, lãi suất vay theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản tín dụng đó, mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo gồm: Hàng tồn kho trị giá 61.044.022.094 đồng và Máy móc thiết bị trị giá 18.012.795.435 đồng theo hợp đồng thế chấp số 32.12.401.343072.VBSĐ.DB.DN ngày 26/04/2012; Cẩm cố chứng khoán KBC trị giá 29.000.000.000 đồng theo hợp đồng cầm cố chứng khoán số 11.12.401.343072.CC.DN ngày 08/02/2012.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Định theo hợp đồng tín dụng số 21/2011/HĐ ngày 19/12/2011, số tiền cho vay là 140.171 USD; hợp đồng tín dụng số 22/2011/HĐ ngày 26/12/2011, số tiền cho vay là 192.515 USD; hợp đồng tín dụng số 23/2011/HĐ ngày 27/12/2011, số tiền cho vay là 144.808 USD; hợp đồng tín dụng số 24/2011/HĐ ngày 29/12/2011, số tiền cho vay là 131.156 USD; hợp đồng tín dụng số 25/2011/HĐ ngày 30/12/2011, số tiền cho vay là 143.180 USD; hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 12/01/2012, số tiền cho vay là 70.243 USD; hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐ ngày 13/01/2012, số tiền cho vay là 83.231 USD; hợp đồng tín dụng số 03/2012/HĐ ngày 16/01/2012, số tiền cho vay là 44.977 USD; hợp đồng tín dụng số 04/2012/HĐ ngày 26/01/2012, số tiền cho vay là 250.356 USD; hợp đồng tín dụng số 05/2012/HĐ ngày 08/05/2012, số tiền cho vay là 117.941 USD; hợp đồng tín dụng số 06/2012/HĐ ngày 14/05/2012, số tiền cho vay là 171.336 USD và hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐ ngày 22/03/2011, hạn mức tín dụng là 100 tỉ đồng. Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 30/04/2012, lãi suất vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo: Các tài sản của công ty, hợp đồng tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế mà Công ty là người thụ hưởng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2011/HĐ ký ngày 22/03/2011 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền trên đất số 01/2011/HĐ ký ngày 22/03/2011. Hợp đồng hạn mức số: 01/2012/HĐ ký ngày 16/05/2012 thời hạn cho vay đến 31/05/2013 và các Văn bản sửa đổi Hợp đồng thế chấp số tài sản gắn liền trên đất: 01/2012/HĐ ký ngày 28/03/2012, văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2012/HĐ ngày 28/03/2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Quy Nhơn theo các hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng từng lần số 131/NHNT-QN ngày 09/12/2011, số tiền cho vay là 715.000 USD; Hợp đồng tín dụng từng lần số 116/NHNT-QN ngày 10/11/2011, số tiền cho vay là 1.090.000 USD; Hợp đồng tín dụng từng lần số 166/NHNT-QN ngày 05/10/2011, số tiền cho vay là 1.000.000 USD; Hợp đồng tín dụng từng lần số 31/NHNT-QT ngày 04/04/2012, số tiền cho vay là 500.000 USD; thời hạn vay là 8 tháng kể từ ngày giải ngân cho đến ngày trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn, lãi suất vay theo từng kế hoạch nhận nợ, mục đích sử dụng vốn vay là mua nguyên liệu và các chi phí sản xuất chế biến xi-tan xuất khẩu. Tài sản đảm bảo: 4.670.000 cổ phần tự do chuyển nhượng của Công ty CP Khoáng Sản Sài Gòn Quy Nhơn phát hành thuộc sở hữu của bà Đặng Thị Hoàng Phượng trị giá 140.100.000.000 đồng theo hợp đồng cầm cố tài sản số 57/2011/VCB Quy Nhơn ngày 02/11/2011. Hợp đồng hạn mức số 47/NHNT-QN ngày 25/04/2012 số tiền 3.800.000 USD thời hạn cho vay đến ngày 25/04/2013.

11.2 Phải trả người bán

Phải trả người bán trong nước	32.723.809.746	6.181.541.958
Phải trả người bán nước ngoài	2.864.788.890	5.966.222.256
Cộng	35.588.598.636	12.147.764.214

11.3 Người mua trả tiền trước

Khách hàng trong nước	15.467.124.606	8.106.605.260
Khách hàng nước ngoài	7.193.714.528	742.887.688
Cộng	22.660.839.134	8.849.492.948

11.4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.125.160.614
Thuế xuất nhập khẩu	2.930.501.978	18.629.853.829
Thuế thu nhập cá nhân	78.026.054	51.775.411
Thuế tài nguyên	891.980.215	135.493.884
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	275.297.680	47.578.100
Cộng	4.175.805.927	22.989.861.838

11.5 Phải trả người lao động

Tiền lương công nhân viên	10.915.077.109	-
Cộng	10.915.077.109	-

11.6 Chi phí phải trả

Chi phí điện sản xuất	541.316.417	1.355.681.201
Chi phí lãi vay	157.862.022	578.266.356
Chi phí khác	2.853.430.354	4.113.175.236
Cộng	3.552.608.793	6.047.122.793

11.7 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn	47.019.355	35.593.986
--------------------	------------	------------

Các số liệu này lấy từ phần hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 24

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	128.037.753
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.955.803.168	7.326.489.097
+ Công ty CP Đầu tư Sài Gòn	4.600.090.000	-
+ UBND tỉnh Bình Định	6.333.388.000	2.167.981.000
+ UBND huyện Phù Mỹ	2.760.000.000	2.424.000.000
+ Sở Tài Nguyên Môi Trường	842.062.545	1.305.808.000
+ Các đối tượng khác	419.152.623	428.709.097
Cộng	14.002.822.523	7.490.120.836
11.8 Quỹ khen thưởng phúc lợi		
Quỹ khen thưởng	(547.411.069)	127.312.500
Quỹ phúc lợi	321.021.900	19.414.100
Cộng	(226.389.169)	146.726.600
Tổng cộng	305.108.252.299	252.817.327.333
12. Vay và nợ dài hạn	31/12/2012	01/01/2012
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng	28.081.870.720	53.252.118.467
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN (1)	3.375.000.000	17.684.392.805
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN (2)	712.890,00 USD ≈	14.826.240,000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN (3)	474.688,00 USD ≈	9.880.639,720
Cộng	28.081.870.720	53.252.118.467

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 41/NHNT-QN ngày 17/01/2012, hạn mức tín dụng là 4.500.000.000 VND, thời hạn duy trì HMTD là 36 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay: được xác định tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua tài sản theo hợp đồng kinh tế số 1201/HDKT-12 ký ngày 12/01/2012 thuộc dự án khai thác mỏ. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án đầu tư khai thác quặng sa khoáng Titan - tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ và xã Cát Khánh, Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

(2) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ ngày 10/05/2011, hạn mức tín dụng là 2.370.400 USD, thời hạn duy trì HMTD là 60 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay: là lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của doanh nghiệp.

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 74/NHNT-QN ngày 11/06/2011, hạn mức tín dụng là 1.670.000 USD, thời hạn duy trì HMTD là 36 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay: được xác định tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án đầu tư khai thác quặng sa khoáng Titan - tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ và xã Cát Khánh, Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Vốn chủ sở hữu

a. Chỉ tiêu vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của các nhà đầu tư khác
Cộng

	31/12/2012	01/01/2012
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
Cộng	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000

b. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: Xem Thuyết minh tại trang 36.

c. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp đầu kỳ
Vốn góp tăng trong kỳ
Vốn góp giảm trong kỳ
Vốn góp cuối kỳ

	Năm 2012	Năm 2011
Vốn góp đầu kỳ	1.100.000.000.000	1.000.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	100.000.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000

d. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn
Cổ phiếu thường
Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu được mua lại
Cổ phiếu thường
Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
Cổ phiếu thường
Cổ phiếu ưu đãi

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.000.000	120.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	110.000.000	110.000.000
Cổ phiếu thường	110.000.000	110.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu thường	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.000.000	110.000.000
Cổ phiếu thường	110.000.000	110.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng hóa
Doanh thu cung cấp dịch vụ
Doanh thu xây dựng, sản lập mặt hàng
Doanh thu bán hàng nội bộ
Doanh thu khác
Tổng doanh thu

	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu bán hàng hóa	706.844.318.688	348.575.919.237
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.723.048.800	5.264.579.460
Doanh thu xây dựng, sản lập mặt hàng	-	4.959.330.619
Doanh thu bán hàng nội bộ	-	1.575.896
Doanh thu khác	-	3.000.000.000
Tổng doanh thu	726.567.367.488	361.801.405.212

Các doanh thu này là hệ quả hợp thành của Báo cáo tài chính.

Trang 26

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các khoản giảm trừ doanh thu	82.542.527.296	57.617.058.364
<i>Thuế xuất khẩu</i>	82.542.527.296	42.055.600.662
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	13.561.457.702
Doanh thu thuần	644.024.840.192	304.184.346.848
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2012	Năm 2011
Giá vốn hàng hóa đã bán	372.806.476.866	176.895.678.665
Giá vốn cung cấp dịch vụ	25.187.064.625	3.646.548.912
Giá vốn xây dựng, san lấp mặt bằng	-	4.623.576.063
Giá vốn bán hàng nội bộ	-	1.573.896
Giá vốn khác	324.509.000	7.357.370.459
Cộng	398.318.050.491	192.524.749.995
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2012	Năm 2011
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.577.249.498	11.601.108.708
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.000.643.878	4.560.713.653
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	429.442.365	-
Cộng	8.007.335.739	16.161.822.361
4. Chi phí tài chính	Năm 2012	Năm 2011
Lãi tiền vay	16.282.601.381	9.299.303.167
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.435.159.942	1.912.027.092
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
Cộng	17.717.761.323	11.211.330.259
5. Chi phí bán hàng	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí vật liệu, bao bì	1.182.929.232	-
Chi phí động cụ, đồ dùng	2.892.500	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.312.133.820	576.027.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.447.574.979	11.546.573.209
Chi phí bằng tiền khác	488.726.380	304.869.090
Cộng	28.434.256.702	12.427.469.782
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nhân viên	18.792.642.494	5.849.997.855
Chi phí vật liệu, bao bì	4.399.948	8.325.130

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời Báo cáo tài chính.

Trang 27

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi phí đồ dùng văn phòng	486.306.066	517.035.240
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.170.340.814	1.965.764.437
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.483.677.347	2.715.970.098
Chi phí bằng tiền khác	11.569.442.250	8.565.699.068
Cộng	41.510.808.919	19.626.791.828
7. Thu nhập khác	Năm 2012	Năm 2011
Thu nhập từ bán tài sản cố định	-	1.436.362.636
Thu nhập từ bán tài sản dở dang	145.454.545	-
Thu nhập bán phế liệu	4.462.369.353	1.610.250.000
Thu nhập khác	71.174.031	35.300.705
Cộng	4.678.997.929	3.081.914.341
8. Chi phí khác	Năm 2012	Năm 2011
Giá trị tài sản cố định đã bán	-	1.437.372.858
Giá trị tài sản dở dang đã bán	295.909.091	261.879.091
Chi phí bán phế liệu	3.980.000.000	-
Chi phí khác	270.705.594	884.674.151
Cộng	4.546.614.685	2.583.926.100
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2012	Năm 2011
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	166.183.681.740	85.053.815.586
- Lợi nhuận từ Dự án Nhà máy sản xuất Xi-tan	150.161.260.636	70.758.471.751
- Lợi nhuận các hoạt động khác	16.022.421.104	14.295.343.835
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.864.442.971	2.205.298.617
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.864.442.971	2.638.581.533
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(433.282.916)
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	168.048.124.711	87.259.114.203
4. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	42.012.031.178	21.814.778.551
6. Thuế TNDN được miễn em Dự án Nhà máy sản xuất Xi	37.540.315.009	17.689.617.938
7. Thuế TNDN được giảm tương ứng mức chi cho LĐ nữ	22.876.880	-
8. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.448.839.289	4.125.160.614

Tất cả số liệu trong báo cáo tài chính này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

Trang 28

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2012	Năm 2011
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(27.796.266)	(535.718.798)
- Chi phí Thuế TNDN hoãn lại được hoãn nhập do thanh lý TS	-	108.320.729
Cộng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(27.796.266)	(427.398.069)
11. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	161.762.638.718	81.356.053.041
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(429.442.363)	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(429.442.363)	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	161.333.196.355	81.356.053.041
Cổ phiếu và đồng đang lưu hành bình quân trong kỳ	110.000.000	100.849.315
Lợi cơ bản trên cổ phiếu	1.467	807

10. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

10.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Các thay đổi chính này là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính.

Trang 29

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của ngoại tệ được thể hiện như sau:

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản tiền gửi và tiền vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Anh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
VND	+200	790.860.651
VND	-200	(790.860.651)
Ngoại tệ (USD)	+50	(1.175.504.525)
Ngoại tệ (USD)	-50	1.175.504.525
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011		
VND	+300	2.298.945.877
VND	-300	(2.298.945.877)
Ngoại tệ (USD)	+100	(1.940.928.901)
Ngoại tệ (USD)	-100	1.940.928.901

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đến đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Hạn Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

10.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm sút rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền, và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hạn Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về lãi suất.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

	VND			
31 tháng 12 năm 2012	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	214.438.889.346	28.081.870.720	-	242.520.760.066
Phải trả người bán	35.588.598.636	-	-	35.588.598.636
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	5.016.892.321	-	-	5.016.892.321
	255.044.380.303	28.081.870.720	-	283.126.251.023
31 tháng 12 năm 2011				
Các khoản vay và nợ	195.146.238.104	53.252.118.467	-	248.398.356.571
Phải trả người bán	12.147.764.214	-	-	12.147.764.214
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	554.190.074	-	-	554.190.074
	207.848.192.392	53.252.118.467	-	261.100.310.859

Các thanh toán này là từ phân loại thành các báo cáo tài chính.

Trang 11

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.11.1 và V.12).

Công ty hiện đang nắm giữ tài sản đảm bảo của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

- 4.670.000 cổ phần tự do chuyển nhượng của Công ty CP Khoáng Sản Sài Gòn Quy Nhơn phát hành thuộc sở hữu của bà Đặng Thị Hoàng Phương trị giá 140.100.000.000 đồng theo hợp đồng cầm cố tài sản số 57/2011/VCB Quy Nhơn ngày 02/11/2011.

- 2.900.000 cổ phần tự do chuyển nhượng của Tổng Công ty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc phát hành thuộc sở hữu của bà Đặng Thị Hoàng Phương trị giá 29.000.000.000 đồng theo hợp đồng cầm cố chứng khoán số 11.12.001.343072.CC.DN ngày 08/02/2012.

II. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Xem thuyết minh tại trang 37.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

- a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh
- b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh
- c) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm Phải thu/(Phải trả)
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc		Thu nhập từ tiền lương, thưởng, thù lao	3.000.065.000	
Công ty CP Xây Dựng Sài Gòn	Cổ đồng	Ủy thác đầu tư	176.200.000.000	-
		Thanh lý HĐ ủy thác	176.200.000.000	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

Trang 32

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Cho vay tiền	25.300.000.000	-	
	Thu tiền cho vay	65.592.857.813	-	
	Phải thu lãi cho vay	600.744.634	-	
	Thu tiền lãi cho vay	600.744.634	-	
	Trả tiền góp vốn hợp tác đầu tư cho Công ty	220.000.000.000	-	
	Công ty chuyển nhượng nhà xưởng, môi giới	32.105.898.000	-	
	Công ty trả tiền	32.105.898.000	-	
	Nhận chuyển nhượng cổ phần	209.936.206.000	15.763.794.000	
	Đã trả tiền chuyển nhượng cổ phần	225.700.000.000	-	
Công ty CP Đầu Tư Sài Gòn - Công ty liên quan Đà Nẵng	Đặt cọc tiền thuê đất KCN Liễu Chiên	88.950.000.000		
	Trả trước tiền thuê đất		88.950.000.000	
Công ty CP Du Lịch SG Công ty liên quan Hàm Tân	Mua hàng trong kỳ	8.749.231.104		
	Trả tiền hàng	33.399.231.104		
	Trả trước tiền hàng		24.650.000.000	
CN Công ty CP công nghệ Viễn thông Sài Gòn tại Bắc Ninh	Cổ đông	Thuê đất KCN Đại Đồng Hoàn Sơn	221.885.290.000	(6.000.000.000)
		Trả tiền thuê đất	215.885.290.000	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 33

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Công ty không có các chi nhánh tại các khu vực khác ngoài Tỉnh Bình Định, do vậy Công ty lựa chọn trình bày bộ phận kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Bán hàng trong nước</i>	<i>Xuất khẩu</i>	<i>Tổng cộng</i>
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	100.887.679.982	625.679.687.506	726.567.367.488
2. Các khoản giảm trừ	-	82.542.527.296	82.542.527.296
3. Doanh thu thuần	100.887.679.982	543.137.160.210	644.024.840.192
4. Giá vốn hàng bán	96.007.710.107	302.310.340.384	398.318.050.491
5. Lợi nhuận gộp	4.879.969.875	240.826.819.826	245.706.789.701
6. Tài sản bộ phận	-	13.329.472	13.329.472
7. Tài sản không phân bổ	-	-	1.696.632.970.861
Tổng Tài sản			1.696.646.300.333
8. Nợ phải trả bộ phận	32.723.809.746	2.864.788.890	35.588.598.636
9. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	297.801.524.383
Tổng Nợ phải trả			333.390.123.019

3. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

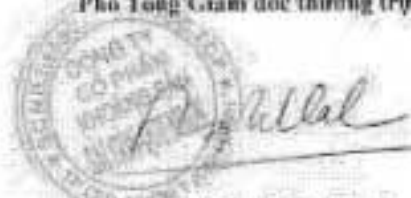
TP. Quy Nhơn, ngày 16 tháng 02 năm 2013.

Kế toán trưởng



Trần Thị Diệp

Phó Tổng Giám đốc thường trực



Nguyễn Trần Triệu Thanh

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 24

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	86.750.450.342	190.773.490.512	13.206.511.083	492.972.686	2.273.401.850	293.496.826.473
Mua trong năm	25.142.962.370	7.590.626.591	-	493.995.653	78.253.636	33.105.238.459
Đảm tư XD/B h thành	1.263.439.432	7.049.590.727	178.409.091	-	-	8.491.439.250
Tặng khác:	-	-	-	-	886.819.157	886.819.157
Số dư cuối năm	113.156.852.344	205.213.107.830	13.384.920.174	986.968.339	3.258.474.643	335.980.323.330
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	10.748.447.365	32.535.850.140	2.220.723.939	364.917.310	484.156.133	46.354.094.887
Khấu hao trong năm	7.779.330.392	43.411.681.378	3.727.410.329	128.804.811	377.409.118	37.424.636.428
Số dư cuối năm	18.527.777.757	77.947.531.718	5.948.134.468	493.722.121	861.565.251	103.778.731.315
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	76.002.002.977	158.237.640.372	10.985.787.144	128.055.376	1.789.245.717	247.142.731.586
Số dư cuối năm	94.629.074.587	127.265.576.112	7.436.785.706	493.246.218	2.376.909.392	232.201.592.015

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 218.598.521.009 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.632.910.260 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

* Các con kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không phát sinh

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: Không phát sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Vốn chủ sở hữu

b. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2011	1.000.000.000,000	105.000.000,000	-	(293.916,086)	19.737.485,555	1.124.443.568,869
- Tăng vốn trong năm trước	100.000.000,000	(100.000.000,000)	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	81.356.053,041	81.356.053,041
- Tăng khác	-	-	-	1.806.313,873	-	1.806.313,873
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.400.000,000)	(1.400.000,000)
- Giảm khác	-	-	-	(2.093.748,597)	-	(2.093.748,597)
Số dư tại ngày 31/12/2011	1.100.000.000,000	5.000.000,000	-	(581.351,410)	99.693.538,596	1.204.112.187,186
Số dư tại ngày 01/01/2012	1.100.000.000,000	5.000.000,000	-	(581.351,410)	99.693.538,596	1.204.112.187,186
- Lợi nhuận tăng trong năm này	-	-	-	-	161.762.638,718	161.762.638,718
- Tăng khác	-	-	-	1.052.123,014	-	1.052.123,014
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(3.000.000,000)	(3.000.000,000)
- Giảm khác	-	-	-	(470.771,604)	-	(470.771,604)
Số dư tại ngày 31/12/2012	1.100.000.000,000	5.000.000,000	-	-	258.456.177,314	1.363.456.177,314

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2012		31/12/2011		31/12/2012	31/12/2011
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	53.592.857.813	-	-	53.592.857.813
- Đầu tư dài hạn khác	719.936.206.000	-	750.000.000.000	-	719.936.206.000	750.000.000.000
- Phải thu khách hàng	13.831.072	-	66.070.527.436	-	13.831.072	66.070.527.436
- Phải thu khác	15.763.794.000	-	5.000.000.000	-	15.763.794.000	5.000.000.000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	45.603.737.285	-	125.628.822.736	-	45.603.737.285	125.628.822.736
TỔNG CỘNG	781.377.568.357	-	1.000.392.207.985	-	781.377.568.357	1.000.297.207.985
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	242.520.760.066	-	248.398.356.571	-	235.976.585.081	239.818.266.188
- Phải trả người bán	35.588.598.636	-	12.147.766.214	-	35.588.598.636	12.147.766.214
- Phải trả khác	5.016.892.321	-	554.190.074	-	5.016.892.321	554.190.074
TỔNG CỘNG	283.126.251.023	-	261.000.310.859	-	276.582.076.038	252.520.220.476

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân tích theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất hoặc phải làm hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính miễn yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có (tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ).

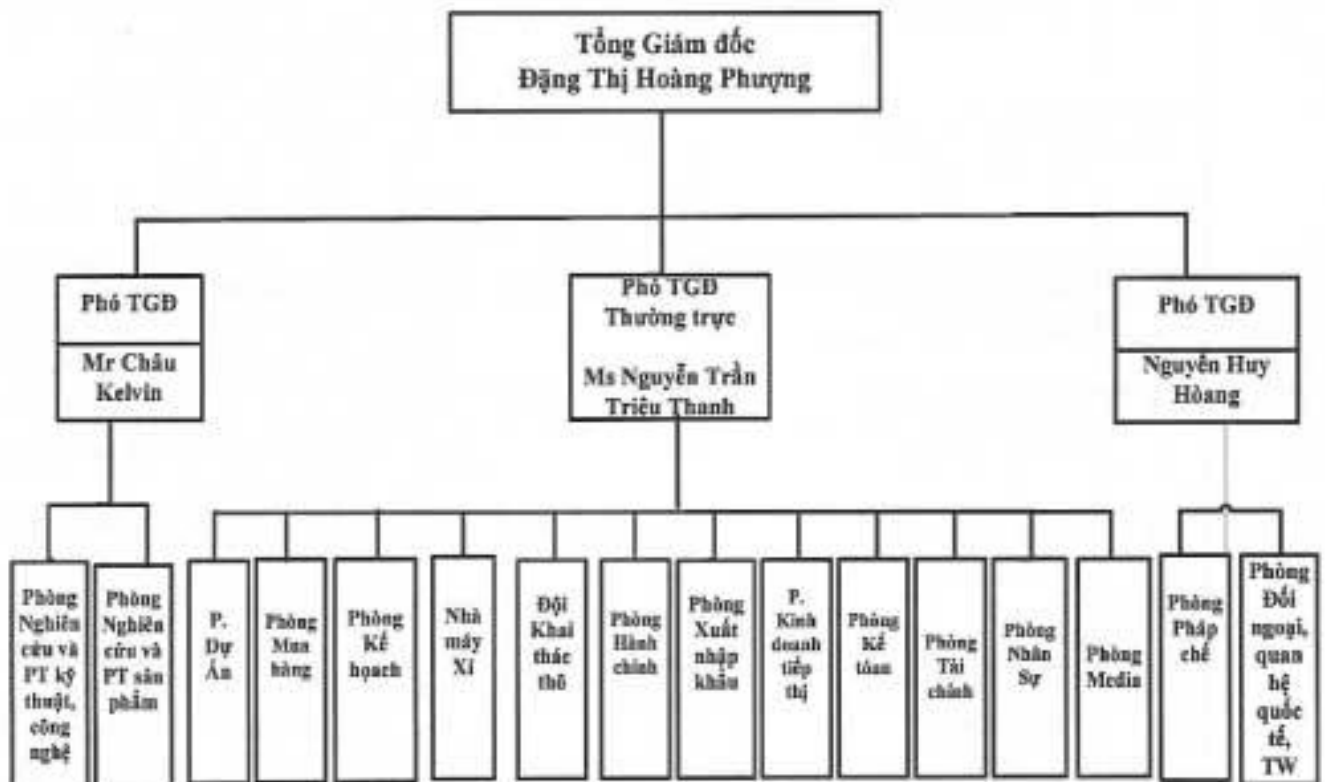
Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác được ước tính bằng cách chiết khấu bằng tiền sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có điều kiện, rủi ro tín dụng và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

V. CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN QUAN

1. Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn: Cổ đông của SQC
2. Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP: Cổ đông của SQC
3. Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn: Cổ đông của SQC
4. Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Đà Nẵng: Công ty liên quan
5. Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Hàm Tân: Công ty liên quan

VI. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Sơ đồ tổ chức các phòng ban của Công ty:



VII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Các nghị quyết Hội đồng Quản trị trong năm 2012 như sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	16/2012/BB-HĐQT/SQC	10.03.2012	Phê duyệt đề nghị vay vốn ngân hàng Quân Đội
2	2704/NQ-HĐQTSQC.12	27.04.2012	Đại hội cổ đông thường niên năm 2012
3	0805/NQ-HĐQTSQC.12	08.05.2012	Đầu tư ngắn hạn theo hình thức cho vay, ủy thác và khác
4	1105/NQ-HĐQTSQC.12	11.05.2012	Rút vốn góp Dự án đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản, khu đô thị, khu nghỉ dưỡng với Công ty cổ phần xây dựng Sài Gòn
5	1505/NQ-HĐQTSQC.12	15.05.2012	Đầu tư, mở rộng nhà xưởng, kho bãi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh công ty và cho thuê.
6	0210/2012/NQ-HĐQT/SQC	02.10.2012	Thanh lý hợp đồng ủy thác đầu tư số 14052012/SQC-SCC ký ngày 14.05.2012 với Công ty CP xây dựng Sài Gòn.
7	0810/2012/ NQ-HĐQT/SQC	08.10.2012	Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Đô thị Du lịch Cần Giờ từ Công ty CP Xây dựng Sài Gòn
8	0910/2012/NQ-HĐQT/SQC	09.10.2012	Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty CP địa ốc Nam Việt từ Công ty CP Xây dựng Sài Gòn
9	0611/2012/NQ-HĐQT/SQC	06.11.2012	Thanh lý hợp đồng ủy thác đầu tư số 280512/HĐUT/SQC-SDN ký ngày 28.05.2012 với Công ty CP Đầu tư Sài Gòn-Đà Nẵng.
10	0911/2012/ NQ-HĐQT/SQC	09.11.2012	Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Du lịch Sài Gòn-Hàm Tân từ Công ty CP Xây dựng Sài Gòn
11	1111/2012/NQ-HĐQT/SQC	11.11.2012	Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty CP địa ốc Nam Việt từ Công ty CP Đầu tư Sài Gòn
12	2711/2012/NQ-HĐQT/SQC	27.11.2012	Thuê đất của Công ty CP Đầu tư Sài Gòn-Đà Nẵng tại KCN Liên Chiểu, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng

2. Giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan:

- Giao dịch cổ phiếu:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Đặng Thành Tâm	Anh Bà Đặng Thị Hoàng Phượng (chủ tịch HĐQT)	66.000.000	60%	44.000.000	40%	Cơ cấu lại danh mục đầu tư

- Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty) không có.

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC: Không có.

Quy Nhơn, ngày 22 tháng 4 năm 2013

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC



NGUYỄN TRẦN TRIỆU THANH